

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2180**/SYT-KHTC

Quảng Ngãi, ngày **18** tháng 9 năm 2017

V/v thẩm tra kinh phí Đề án  
nâng cao hiệu quả phòng, chống  
suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5  
tuổi các huyện miền núi tỉnh  
Quảng Ngãi

Kính gửi: Sở Tài chính Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 686a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020;

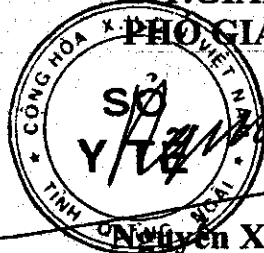
Căn cứ Quyết định số 4737/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện “Đề án nâng cao hiệu quả phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020” trong năm 2017;

Sở Y tế kính trình Sở tài chính thẩm tra và nhập dự toán kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 -2020” trong năm 2017 với mức kinh phí có phụ lục chi tiết kèm theo.

Rất mong Sở tài chính quan tâm, tạo điều kiện./.

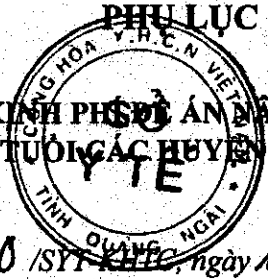
Nơi nhận: *Sul*

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Nguyễn Xuân Mến

**PHỤ LỤC 01**

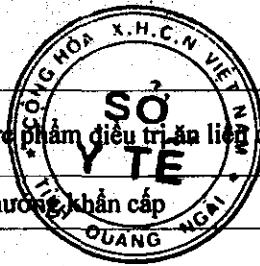
**THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI KINH PHÍ ĐIỀU TRỊ AN ĐẲNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM DƯỚI 5 TUỔI CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2017**



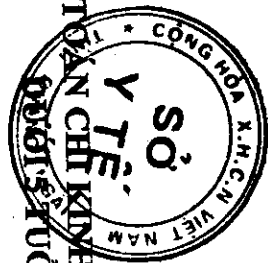
(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-KHĐC, ngày 18 /9/2017 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính : 1000 đồng

Số TT	NỘI DUNG	Tổng kinh phí thực hiện
	<b>TRUNG TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN</b>	<b>4.364.996</b>
	Mã số đơn vị QHNS: 1081529	
	Địa điểm KBNN nơi giao dịch: KBNN tỉnh Quảng Ngãi -2111	
	Chương 423 loại 520 khoản 526	
	Kinh phí không thường xuyên	<b>4.364.996</b>
1	<b>Nội dung 1: Cải thiện TTDD, giảm tỷ lệ SDD thể nhẹ cân/thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi các huyện miền núi</b>	<b>972.438</b>
	Cung cấp in tờ rơi tuyên truyền cho Bà mẹ mang thai và Bà mẹ có con dưới 5 tuổi (01/tờ/người)	270.810
	Thực hành dinh dưỡng cho PNMT và BM có con < 5 tuổi suy dinh dưỡng (6.000 đồng/bà mẹ/lần x3 lần/năm)	41.778
	Mua cân trẻ em 30 kg	210.000
	Thước đo chiều dài nằm/ chiều cao đứng	240.000
	Sổ ghi chép của CTV dành cho trẻ em < 5 tuổi	29.300
	Sổ ghi chép của CTV dành cho PNMT	26.370
	Cấp kinh phí cho cán bộ Trạm y tế xã cân, đo (800,000đ/ xã/lần cân đo x lần)	53.600
	Phụ nữ được khám thai + tư vấn+ thử nước tiểu (3 que/PNMT)	14.380
	Sản phẩm dinh dưỡng cấp cho 40% BMMT không tăng cân (viên sắt, đa vi chất)	86.200
2	<b>Tăng cường bổ sung vi chất nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi</b>	<b>67.460</b>
	Thù lao cho cán bộ trạm y tế xã triển khai ngày cho trẻ em dưới 5 tuổi uống Vitamin A (4,000đ/trẻ/liều)	67.460
3	<b>Phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng nặng, giảm tỷ lệ tử vong liên quan đến suy dinh dưỡng ở trẻ em</b>	<b>879.850</b>
	Phục hồi DD cho trẻ < 5 tuổi SDD vừa bằng thực phẩm bổ sung ăn liền của Viện dinh dưỡng	400.000



Phục hồi DD cho trẻ <5 tuổi SDD nặng bằng thực phẩm điều trị ăn liền của Viện dinh dưỡng	80.950
Phục hồi DD cho trẻ vùng bị thiên tai trong tình huống khẩn cấp	398.900
<b>4 Dinh dưỡng học đường</b>	<b>2.402.548</b>
Giáo viên mầm non và phụ huynh có trẻ SĐ nghe nói chuyện về các vấn đề liên quan đến dinh dưỡng	74.740
Hỗ trợ nước uống	66.740
Thù lao cho người nói chuyện	8.000
Xổ giun định kỳ cho trẻ từ 24-60 tháng tuổi, xổ 1 lần, mỗi lần 1 viên	142.080
Mua sữa hộp hoặc bịch (loại 180 ml hoặc 220 ml) cấp cho trẻ em dưới 5 tuổi (4 lần/ tháng, mỗi lần 1 hộp) thực hiện từ tháng 9/2017	2.185.728
<b>5 Hội nghị đánh giá sơ kết các hoạt động trong năm 2017</b>	<b>42.700</b>
Nước uống	1.200
Hội trường (gồm đèn chiếu)	2.000
Tài liệu + văn phòng phẩm (dự kiến)	2.000
Hỗ trợ tiền ăn trưa	4.000
Mức chi hỗ trợ công tác quản lý chương trình cho cấp xã	33.500



## PHỤ LỤC

THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI KHẤU PHÍ ĐỀ ÁN NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM  
DƯỚI 5 TUỔI CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2017

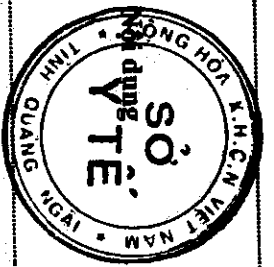
ĐƠN VỊ: SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI

Mã số: 1082313

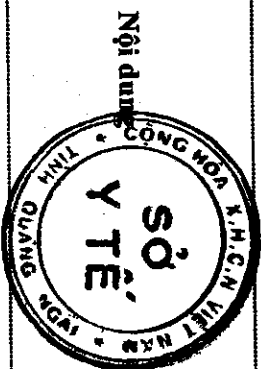
(Kèm theo Công văn số 218/SYT-KHTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Nội dung	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Số lần	Tháng	Tổng cộng	Ghi chú
I	TRUNG TÂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN							
	Mã số đơn vị QHNS: 1081529							
	Chương 423 loại 520 khoản 526						4.364.996	
	Kinh phí không thường xuyên							
I	Nội dung I: Cải thiện TTDD, giảm tỷ lệ SDD thể nhẹ cân/thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi các huyện miền núi						972.438	
	Cung cấp in tờ rơi tuyên truyền cho Bà mẹ mang thai và Bà mẹ có con dưới 5 tuổi (01/hồ/người)	tờ	10	27.081		1	270.810	
	Thực hành dinh dưỡng cho PNM/T và B/M có con <5 tuổi suy dinh dưỡng (6.000 đồng/bà mẹ/lần x3 lần/năm)	người	6	6.963		1	41.778	
	Mua cân trẻ em 30 kg	cái	700	300		1	210.000	
	Thước đo chiều dài nằm/chiều cao đứng	cái	800	300		1	240.000	
	Số ghi chép của CTV dành cho trẻ em < 5 tuổi	cuốn	50	586		1	29.300	
	Số ghi chép của CTV dành cho PNM/T	cuốn	45	586		1	26.370	



TT	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Số lần	Tháng	Tổng cộng	Ghi chú
Cấp kinh phí cho cán bộ Trạm y tế xã cầu, do (800,000đ/ xã/lần cân đo x lần)	xã	800	67	1		53.600	
Phụ nữ được khám thai + tư vấn+ thử nước tiểu (3 que/PNMT)	người	10	1.438	1		14.380	
Sản phẩm dinh dưỡng cấp cho 40% BMNT không tăng cân (viên sắt, đa vi chất)	người	50	1.724	1		86.200	
Tăng cường bổ sung vi chất nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi	trẻ	4	16.865	1		67.460	
Thủ lao cho cán bộ trạm y tế xã triển khai ngày cho trẻ em dưới 5 tuổi uống Vitamin A (4,000	trẻ	50	8.000			400.000	
3 Phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng nặng, giảm tỷ lệ tử vong liên quan đến suy dinh dưỡng ở trẻ em	trẻ	50	1.619			80.950	
Phục hồi DID cho trẻ < 5 tuổi SDD vừa bằng thực phẩm bổ sung ăn liền của Viện dinh dưỡng	trẻ	50	7.978			398.900	
Phục hồi DD cho trẻ vùng bị thiên tai trong tình huống khẩn cấp	trẻ	10	6.674			66.740	
4 Dinh dưỡng học đường	người	200	40			8.000	
Giáo viên mầm non và phụ huynh có trẻ SD nghe nói chuyên về các vấn đề liên quan đến dinh dưỡng	viên	10	14.208			142.080	
Hỗ trợ nước uống	hộp	8	22.768	4	3	2.185.728	
Thủ lao cho người nói chuyên	hộp	8	22.768	4	3	42.700	
Xổ giải định kỳ cho trẻ từ 24-60 tháng tuổi, xổ 1 lần, mỗi lần 1 viên	hộp	8	22.768	4	3	42.700	
Mua sũa hộp hoặc bịch (loại 180 ml hoặc 220 ml) cấp cho trẻ em dưới 5 tuổi (4 lần/tháng, mỗi lần 1 hộp) thực hiện từ tháng 9/2017	hộp	8	22.768	4	3	42.700	
5 Hội nghị đánh giá sơ kết các hoạt động trong năm 2017	hộp	8	22.768	4	3	42.700	



TT	Nội dung	Đơn vị	Đơn giá	Số lượng	Số lần	Tháng	Tổng cộng	Ghi chú
	Nước uống	người	30	40	1		1.200	
	Hội trường (gồm đèn chiếu)	phòng	2.000	1			2.000	
	Tài liệu + văn phòng phẩm (dự kiến)	người	50	40			2.000	
	Hỗ trợ tiền ăn trưa	người	100	40			4.000	
	Mức chi hỗ trợ công tác quản lý chương trình cho cấp xã	xã	500	67			33.500	
							<b>42.700</b>	